TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ N** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/DS-ST
Ngày 11-10 -2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Ái Vy**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Lơn**

Bà **Lê Thị Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đặng Thị Hồng Thủy –** Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa: Ông **Ngô Bảo Nhật Linh -** Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 112/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2019/QĐST-DS ngày 23 tháng 9 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam

Địa chỉ: Tòa nhà Cc5 bán đảo Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lại Quyết T - Giám đốc phụ trách Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách Xã hội thị xã N (theo Quyết định ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS ngày 25/11/2016).

Ông T có mặt.

Bị đơn: Ông Trương Thanh Q

Địa chỉ: Thôn N, xã X, N, Khánh Hòa.

Ông Q vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị Kim T

Địa chỉ: Thôn N, xã X, N, Khánh Hòa.

Bà T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/6/2019, bản tự khai ngày 25/6/2019 và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lại Quyết T trình bày: Ngày 30/11/2006, giữa Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch thị xã N và ông Trương Thanh Q, bà Hoàng Thị Kim T ký kết khế ước vay

vốn số 6000004000086225 chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn. Nội dung như sau: Số tiền vay 4.000.000 đồng. Mục đích vay: xây nhà vệ sinh; Lãi suất: từ 30/11/2006 đến ngày 29/11/2011 là 0,65%/tháng; Lãi suất nợ quá hạn: 130% lãi suất cho vay. Hạn trả nợ: 29/11/2011.

Đến kỳ hạn trả nợ cuối cùng, ông Q đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi là 1.212.120 đồng và tiền gốc là 400.000 đồng. Do đó, từ ngày 30/11/2011, Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn số tiền còn lại. Số tiền nợ tính đến ngày 11/10/2019 là 6.575.880 đồng trong đó tiền gốc: 3.600.000 đồng, tiền lãi: 2.975.884 đồng.

Ngày 29/8/2008, giữa Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch thị xã N và ông Trương Thanh Q, bà Hoàng Thị Kim T ký kết khế ước vay vốn số 6000004000086226 chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn. Nội dung như sau: Số tiền vay 4.000.000 đồng. Mục đích vay: đào giếng nước; Lãi suất: từ 29/8/2008 đến ngày 12/6/2015 là 0,9%/tháng; Lãi suất nợ quá hạn: 130% lãi suất cho vay. Hạn trả nợ: 12/6/2015.

Đến kỳ hạn trả nợ cuối cùng, ông Q đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi là 1.218.800 đồng, chưa thanh toán tiền gốc. Do đó, từ ngày 13/6/2015, Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn số tiền 4.000.000 đồng. Số tiền nợ tính đến ngày 11/10/2019 là 8.178.462 đồng trong đó tiền gốc: 4.000.000 đồng, tiền lãi: 4.178.462 đồng.

Ngày 28/6/2013, giữa Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch thị xã N và ông Trương Thanh Q, bà Hoàng Thị Kim T ký kết khế ước vay vốn số 6000004000086224 chương trình hộ nghèo. Nội dung như sau: Số tiền vay 30.000.000 đồng. Mục đích vay: nuôi bò sinh sản; Lãi suất: từ 28/6/2013 đến ngày 28/6/2017 là 0,65%/tháng; Lãi suất nợ quá hạn: 130% lãi suất cho vay. Hạn trả nợ: 28/6/2017.

Đến kỳ hạn trả nợ cuối cùng, ông Q đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi là 488.500 đồng, chưa thanh toán tiền gốc. Do đó, từ ngày 29/6/2017, Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn số tiền 30.00.000 đồng. Số tiền nợ tính đến ngày 11/10/2019 là 44.879.158 đồng trong đó tiền gốc: 30.000.000 đồng, tiền lãi: 14.879.158 đồng.

Trong suốt quá trình vay vốn, Ngân hàng đã tạo nhiều điều kiện nhưng ông Q, bà T vẫn không thanh toán được cho Ngân hàng. Tính đến ngày 11/10/2019 ông Trương Thanh Q và bà Hoàng Thị Kim T còn nợ Ngân hàng số tiền 59.633.500 đồng (trong đó nợ gốc: 37.600.000 đồng, nợ lãi: 22.033.500 đồng). Nay Ngân hàng yêu cầu ông Q, bà T thanh toán cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc, lãi trên và khoản tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 22/7/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Kim T trình bày: Bà thừa nhận có ký kết các khế ước vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam với tổng số tiền là 37.600.000 đồng nhưng do hoàn cảnh kinh tế gia đình gặp khó khăn nên bà và ông Q không thể trả nợ cho Ngân hàng theo như thỏa thuận đã ký kết. Nay Ngân hàng yêu cầu bà và ông Quang trả toàn bộ số tiền tính đến ngày 25/6/2019 là 58.459.218 đồng (trong đó nợ gốc: 37.600.000 đồng, nợ lãi 20.859.218 đồng) và khoản lãi phát

sinh theo quy đinh của pháp luật, bà đồng ý trả nợ cho Ngân hàng theo phương thức: ngày 15/8/2019 trả trước 5.000.000 đồng, số tiền còn lại xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

Bị đơn ông Trương Thanh Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng nguyên đơn đều thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn ông Trương Thanh Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Kim T chưa chấp hành theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Trên cơ sở yêu cầu của nguyên đơn, xét thấy bị đơn ông Trương Thanh Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Kim T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Trương Thanh Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Kim T trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền 59.633.500 đồng (trong đó nợ gốc: 37.600.000 đồng, nợ lãi: 22.033.500 đồng) và khoản tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trương Thanh Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Kim T đã được Tòa án nhân dân thị xã N triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Q, bà T.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam khởi kiện yêu cầu ông Trương Thanh Q và bà Hoàng Thị Kim T trả số tiền vay còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Đây là quan hệ pháp luật về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam và bị đơn ông Trương Thanh Q thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thị xã N, tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam yêu cầu ông Trương Thanh Q và bà Hoàng Thị Kim T trả số tiền đến tính ngày 11/10/2019 là 59.633.500 đồng (trong đó nợ gốc: 37.600.000 đồng, nợ lãi: 22.033.500 đồng) và khoản tiền lãi phát sinh theo quy

định của phát luật; trong quá trình giải quyết vụ án bà Hoàng Thị Kim T thừa nhận khoản nợ nhưng đề nghị Ngân hàng cho trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

Xét quá trình thực hiện hợp đồng, ông Q và bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận của các khế ước vay vốn số 6000004000086225, 6000004000086226 và 6000004000086224 được ký giữa hai bên nên yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc ông Q, bà T phải trả số tiền gốc, lãi và khoản tiền lãi phát sinh theo quy định của pháp luật là có căn cứ, phù hợp với thỏa thuận của các bên trong hợp đồng tín dụng đã ký cũng như quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí: Ông Trương Thanh Q và bà Hoàng Thị Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật (59.633.500đ x 5%).

[6] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, Điều 94, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Trương Thanh Q và bà Hoàng Thị Kim T phải thanh toán cho Ngân hàng Chính sách Xã hội Việt Nam số tiền là: 59.633.500 đồng *(Năm mươi chín triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn năm trăm đồng)*, trong đó nợ gốc: 37.600.000 đồng, nợ lãi: 22.033.500 đồng.

Quy định chung: Kể từ ngày 12/10/2019 cho đến khi thi hành án xong, bị đơn ông Trương Thanh Q và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Kim T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 6000004000086225 ngày 30/11/2006, số 6000004000086226 ngày 29/8/2008 và số 6000004000086224 ngày 28/6/2013.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Ông Trương Thanh Q và bà Hoàng Thị Kim T nộp 2.981.675 đồng *(Hai triệu chín trăm tám mươi mốt nghìn sáu trăm bảy mươi lăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Ái Vy

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án